

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/7/2022.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Ngọc T**, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Tấn H**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Ngọc T trình bày như sau:**

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Ngọc T và anh Phạm Tấn H tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2018. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Do do

mâu thuẫn nên đầu năm 2022 chị T và anh H đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân chị T và anh H không có liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy không còn tình cảm nên chị Lê Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Tấn H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị T và anh H có 01 người con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 20/10/2019 hiện đang ở cùng với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung nêu trên đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị T trình bày giữa chị và anh H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Tấn H. Tuy nhiên, anh Phạm Tấn H không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Phạm Tấn H trong hồ sơ vụ án.

* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm*:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao người con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 20/10/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Buộc chị Lê Ngọc T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Tấn H. Anh H cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Phạm Tấn H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Lê Ngọc T và anh Phạm Tấn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/6/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh H không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống, Trong cuộc sống chị T và anh H thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Đầu năm 2022 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị T và anh H sống ly thân nhau cho đến nay, hiện tại chị T và anh H không liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Lê Ngọc T đoàn tụ để nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh H. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương thì chị T và anh H có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị T yêu cầu với anh H là

có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị T xác định trong quá trình chung sống với anh H thì anh chị có với nhau 01 người con chung tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 20/10/2019 hiện đang ở cùng với chị T. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu được nuôi 01 người con chung nêu trên đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu nuôi con của chị T HĐXX nhận thấy: Hiện chị T là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh. Quá trình chung sống với chị T thì cháu Quỳnh Anh được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đồng thời, cháu Quỳnh Anh hiện đang dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh Anh cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T trình bày có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó HĐXX miễn xét.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác nhận chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Lê Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc T được ly hôn với anh Phạm Tấn H.

2/. Về con chung: Giao cháu Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 20/10/2019 cho chị Lê Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Ngọc T không yêu cầu.

Anh Phạm Tấn H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001702 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An